

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Bằng.

2. Ông Cao Chí Khá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **83/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp S, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp S, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ trình bày: Bà và ông N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T, tỉnh Hậu Giang) vào năm 2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn với xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy D (giới tính: Nữ) sinh năm 2001 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/4/2007. Tuỳ theo nguyện vọng của con chung muốn sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Thị Thúy D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, thống nhất giao con chung cho ông Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con; ông Nguyễn Thành N vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Hồng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành N và được nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thành N cư trú tại ấp S, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Thành N đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2001. Do đó, hôn nhân giữa bà Đ và ông N là hợp pháp. bà Đ yêu cầu ly hôn với ông N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Vì vậy, bà Đ cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông N bỏ mặc, không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa bà Đ và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ ly hôn với ông N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy D (giới tính: Nữ) sinh năm 2001 và Nguyễn Duy K (giới tính: Nam) sinh ngày 11/4/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu K có nguyện vọng được sống chung với cha. Tại phiên tòa, bà Đ cũng thống nhất giao

con chung cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Con chung Nguyễn Thị Thúy D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ không yêu cầu, ông N chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy K (giới tính: Nam), sinh ngày 11/4/2007 cho ông Nguyễn Thành N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Hồng Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Hồng Đ đã nộp theo biên lai số 0001435 ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà Nguyễn Hồng Đ không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã T, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Kim Bằng

Cao Chí Khá

Huỳnh Xuân Tình

